

Số: /BC-STC

Trà Vinh, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022
và phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Thực hiện Công văn số 207/SNV-TCBCTCPCP ngày 17/02/2022 của Sở Nội vụ, về quy định nội dung, thời gian báo cáo thực hiện cải cách hành chính trong năm 2022.

Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN

1. Việc triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành và xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện:

Sở Tài chính triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp trên cơ sở Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2022; Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 của tỉnh Trà Vinh; Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 04/KH-STC ngày 12/01/2022 của Sở Tài chính về cải cách hành chính năm 2022.

Nhìn chung, Sở Tài chính thực hiện tốt công tác triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành; xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện kịp thời, đúng quy định. Năm 2022, triển khai thực hiện được 01 cuộc, với 46 lượt cán bộ, công chức và người lao động tham gia, đạt 100%.

2. Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính:

Thực hiện các hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính, cơ quan triển khai bằng nhiều hình thức như sử dụng Trang thông tin điện tử thành phần, lồng ghép vào nội dung các cuộc họp... Trên cơ sở đó, để tìm ra những điển hình tiên tiến, các sáng kiến, trong thực hiện cải cách hành chính.

3. Thực hiện các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính:

Trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính của cơ quan, lãnh đạo cơ quan đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện quản lý điều hành cải cách hành chính gồm: Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; tổ chức, kiểm tra, giám sát cải cách hành chính; định kỳ thông tin báo cáo cải cách hành chính đúng thời gian quy định...

4. Kiểm tra, đánh giá những mặt làm được, chưa được, hạn chế tồn tại trong công tác triển khai:

Qua thực hiện công tác cải cách hành chính, nhìn chung Sở Tài chính đã triển khai thực hiện và ban hành các văn bản chỉ đạo đúng theo quy định. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, liên tục; hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa dành nhiều nguồn lực cho công tác tuyên truyền; tình trạng giữa tuyên truyền với triển khai thực hiện có sự vênh nhau, thực tế triển khai không được như tuyên truyền (*thường chỉ tập trung vào tuyên truyền những kết quả đạt được, còn chưa nêu được được những tiêu cực, hạn chế yếu kém...*). Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác tuyên truyền cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế:

Với chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về tài chính ngân sách; Sở Tài chính luôn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phê chuẩn dự toán ngân sách, đúng Luật ngân sách Nhà nước; luôn chú trọng việc hướng dẫn các Sở, ban ngành, địa phương thực hiện tốt các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm; Sở Tài chính tiên hành thẩm định phân bổ dự toán dự ngân sách năm 2022 cho các Sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đúng theo quy định của Luật.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc cơ quan quản lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính và chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy định thủ tục hành chính, đề xuất và thực hiện các phương án đơn giản hoá, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý; công bố kịp thời và niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan gắn với thực hiện cải cách thủ tục hành chính; Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá mức độ hài lòng của người dân, các đơn vị có liên quan một số lĩnh vực quản lý thuộc cơ quan; thực hiện tốt kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ⁽²⁾.

- Triển khai, quán triệt Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh và Kế hoạch số 04/KH-STC ngày 12/01/2022 của Sở Tài chính về cải cách hành chính năm 2022 cho toàn thể CBCCC tổ chức thực hiện. Thực hiện đầy đủ việc niêm yết công khai các thủ tục hành chính theo đúng quy trình TCVN ISO 9001 : 2015 và thời gian giải quyết hồ sơ đúng theo 32 quy trình.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Thực hiện rà soát về cơ cấu, tổ chức và biên chế hiện có của cơ quan; trên cơ sở đó bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường công tác theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và Đề án số 05-ĐA/TU ngày 27/7/2018 của Tỉnh ủy.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đảm bảo việc quản lý, sử dụng biên chế tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt các quy định về phân cấp; tăng cường hoạt động kiểm tra, nhằm nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, năng lực hoạt động của cơ quan.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

¹Công văn số 1127/STC-VP ngày 29/4/2022 về đăng ký xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh tháng 5 năm 2022; Công văn số 1503/STC-VP ngày 15/6/2022 về đăng ký xây dựng Nghị quyết HĐND tại kỳ họp giữa năm 2022.

²Kế hoạch số 53/KH-STC ngày 24/3/2022 về việc công tác văn thư, lưu trữ năm 2022 của Sở Tài chính.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý gắn với vị trí việc làm có phẩm chất, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Sở Tài chính xây dựng các Kế hoạch đào tạo cụ thể theo yêu cầu, tính chất công việc nhằm nâng cao năng lực của CBCC, chú trọng tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ quy hoạch. Công tác bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, đối với CBCC thuộc Sở Tài chính được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định.

5. Cải cách tài chính công:

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý tài chính ngân sách:

Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công 1.161.735trđ/3.335.079trđ, đạt 34,8%.

- Thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

+ Năm 2020 (niên độ ngân sách năm 2019):

Tổng số kiến nghị: 851.745.213.593 đồng

Số đã thực hiện: 759.762.221.235 đồng

Tỷ lệ thực hiện: 89,2%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 91.982.992.358 đồng

+ Năm 2010 (niên độ ngân sách năm 2009):

Tổng số kiến nghị: 20.869.413.335 đồng.

Số đã thực hiện: 20.792.004.847 đồng.

Tỷ lệ thực hiện: 99,63%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 77.408.488 đồng.

+ Năm 2012 (niên độ ngân sách năm 2011):

Tổng số kiến nghị: 132.893.122.769 đồng.

Số đã thực hiện: 97.254.522.769 đồng.

Tỷ lệ thực hiện: 73,18%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 35.638.600.000 đồng.

+ Năm 2014 (niên độ ngân sách năm 2013):

Tổng số kiến nghị: 251.971.595.014 đồng.

Số đã thực hiện: 251.885.126.359 đồng.

Tỷ lệ thực hiện: 99,97%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 86.468.655 đồng.

+ Năm 2016 (niên độ ngân sách năm 2015):

Tổng số kiến nghị: 107.657.505.671 đồng.

Số đã thực hiện: 107.090.849.671 đồng.

Tỷ lệ thực hiện: 99,47%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 566.656.000 đồng.

+ Năm 2018 (niên độ ngân sách năm 2017):

Tổng số kiến nghị: 274.527.164.910 đồng.

Số đã thực hiện: 273.922.811.910 đồng.

Tỷ lệ thực hiện: 99,78%

Số kiến nghị còn phải thực hiện: 604.353.000 đồng.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý sử dụng tài sản công:

+ Điều chuyển tài sản công: 01

+ Thanh lý tài sản công: 02

+ Giao tài sản công: 02

+ Thanh toán chi phí xử lý tài sản công: 02

+ Xuất hóa đơn tài sản công: 03 (trong đó: 02 hóa đơn bán tài sản nhà nước; 01 hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước).

- Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (*Phụ lục 1, số liệu chi tiết đính kèm*).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Nhìn chung công tác tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan Sở Tài chính đúng quy định, kế hoạch đề ra. Sở luôn chú trọng việc tiếp nhận và trả kết quả trong giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định, đồng thời áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015, nhất là việc thông kê, rà soát thủ tục hành chính theo Đề án 30c của Chính phủ, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý Nhà nước.

Công tác Dân vận chính quyền luôn được Ban Giám đốc cùng Đảng ủy cơ quan chú trọng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát cùng sự phối hợp chặt chẽ của cán bộ, đảng viên Chi bộ, đoàn viên Công đoàn.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính vẫn còn những mặt hạn chế như: Triển khai, quán triệt đôi lúc chưa kịp thời, đánh giá chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân chưa được thường xuyên...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Tiếp tục triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp như: Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2022; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Công văn số 321/UBND-THNV ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc uốn nắn công tác cải cách hành chính qua công tác kiểm tra,... Đồng thời áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 : 2015 theo quy định và tiếp tục phát huy việc vận hành tốt Văn phòng điện tử (VNPT-IOffice) dùng chung, thực hiện tốt hệ thống quản lý ngân sách (TABMIS); củng cố và xây dựng từng bước có cải tiến nội dung trang Website của cơ quan; ứng dụng tốt hệ thống công nghệ thông tin vào hiện đại hóa nền hành chính...

- Tiếp tục tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến công tác tài chính.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước chuẩn hoá đội ngũ CBCC. Củng cố công tác cải cách hành chính của cơ quan ngày càng đạt hiệu quả tốt hơn và thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Sở Tài chính Trà Vinh, báo cáo Sở Nội vụ năm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc STC;
- Trang TTĐT STC;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Tiêu Thanh Tân

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC
NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số /BC- STC ngày /11/2022 của Sở Tài chính)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	98,6%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	4.262.239 trđ	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.202.327 trđ	Ước thực hiện
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	503	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	06	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	32	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	57	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	5	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	6	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	6	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	408	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	